TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 423/2022/KDTM-ST
Ngày: 07-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thanh Minh

2. Bà Phạm Thị Hồng Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2020/TLST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2458/2022/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty E

Địa chỉ: F 2301, B F, 1 How Ming Street K, K, H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trang Hoàng T, địa chỉ liên hệ: Lầu B, Tòa nhà H, A T, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2020 được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 04/5/2020).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: G, ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Bích T1; địa chỉ: G T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: Ô, 4, 5, 9 Lô B, đường D, Khu công nghiệp Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vòng Hỷ T2, địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền số 01-2020/UQ-MV ngày 11/12/2020).

(Ông T và ông T2 có mặt; bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn – có ông Trang Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 12/6/2018, Công ty E (sau đây gọi là Công ty E) và Công ty Cổ phần C (sau đây gọi là Công ty C) có ký Hợp đồng số 01TT/MV/2018 theo đó Công ty E là đơn vị cung cấp sản phẩm da thuộc cho Công ty C và Công ty TNHH S (sau đây gọi là Công ty S) là đại diện cho Công ty E gia công và giao hàng cho Công ty C theo đúng thời gian, chất lượng và địa điểm đã được thỏa thuận trong hợp đồng đã ký giữa ba bên. Công ty E đã xuất hóa đơn (I) theo từng đơn hàng đã giao cho Công ty C, cụ thể:

- Hóa đơn (Invoice) số SC181101ngày 22/11/2018: số tiền 27.477,30 USD;

- Hóa đơn (I) số SC181102 ngày 30/11/2018: số tiền 2.485,02 USD;

- Hóa đơn (I) số SC190101 ngày 22/01/2019: số tiền 2.616,82 USD;

- Hóa đơn (I) số SC191201 ngày 03/12/2019: số tiền 1.289,91USD;

Tổng giá trị tiền hàng là 33.869,05 USD.

Căn cứ Điều III về Điều khoản thanh toán trong hợp đồng thì bên B (Công ty C) có nghĩa vụ thanh toán cho bên A (Công ty E) bằng phương thức T/T sau 07 ngày nhận hàng, không thanh toán cho bên C (Công ty S).

Ngày 06/12/2019, Công ty C có Biên bản xác nhận công nợ với Công ty E đối với Hợp đồng số 01TT/MV/2018, theo đó Công ty C chỉ mới thanh toán được 4.000 USD, còn nợ Công ty E là 29.869,05 USD. Tuy nhiên cho đến nay Công ty C vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty E.

Công ty E khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty C thanh toán số tiền còn nợ 29.869,05 USD quy đổi theo tỷ giá USD ra đồng (VND) tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

** Bị đơn* - Công ty C đã được Toà án tống đạt giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vẫn không cử đại diện đến Tòa, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Tại Điều 5 của Hợp đồng 01TT/MV/2018 ngày 12/6/2018 các bên có thỏa thuận tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương, nhưng do bị đơn - Công ty C có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc giao hàng cũng được thực hiện tại kho của bị đơn ở Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là nơi thực hiện hợp đồng để khởi kiện là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38, khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Toà án đã tống đạt giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vẫn không cử đại diện đến tòa, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty E đòi bị đơn Công ty C trả số tiền hàng còn nợ 29.869,05 USD, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

[3.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ gồm Hợp đồng mua bán số 01TT/MV/2018 ngày 12/6/2018, bộ chứng từ gồm Phụ kiện hợp đồng, Hóa đơn (I), P list có cơ sở xác định Công ty E có giao kết hợp đồng và cung cấp sản phẩm da thuộc thông qua Công ty S (bên gia công) cho Công ty C theo bốn đợt hàng gồm:

- Hóa đơn (Invoice) số SC181101ngày 22/11/2018: số tiền 27.477,30 USD;

- Hóa đơn (I) số SC181102 ngày 30/11/2018: số tiền 2.485,02 USD;

- Hóa đơn (I) số SC190101 ngày 22/01/2019: số tiền 2.616,82 USD;

- Hóa đơn (I) số SC191201 ngày 03/12/2019: số tiền 1.289,91USD;

Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 06/12/2019 giữa Công ty E và Công ty C thì Công ty C còn nợ số tiền hàng của bốn đợt giao hàng trên tổng cộng là 33.869,05 USD, bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn 4.000 USD, còn nợ 29.869,05 USD. Tuy nhiên đến nay phía bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận tại Điều III của Hợp đồng mua bán số 01TT/MV/2018 ngày 12/6/2018 nên căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hàng còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

Theo tỷ giá quy đổi tiền USD ra tiền Việt Nam tại ngày xét xử sơ thẩm được công bố trên website của Ngân hàng N thì 1 USD = 23.105 đồng. Như vậy Công ty C phải trả cho Công ty E số tiền hàng còn nợ là 29.869,05 USD tương đương với 690.124.400 đồng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn (690.124.400 đồng) là 31.604.976 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 35, khoản 3 Điều 38, Điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 50 và 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty E.

Buộc Công ty Cổ phần C phải trả cho Công ty E số tiền hàng còn nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 01TT/MV/2018 ngày 12/6/2018 là 29.869,05

USD tương đương với 690.124.400 (*Sáu trăm chín mươi triệu một trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty E, nếu Công ty Cổ phần C không chịu thanh toán số tiền nói trên thì Công ty Cổ phần C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Công ty Cổ phần C phải chịu án phí là 31.604.976 *(Ba mươi mốt triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn chín trăm bảy mươi sáu)* đồng.

Công ty E được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.805.000 (*Mười lăm triệu tám trăm lẻ năm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0091859 ngày 24/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án sơ thẩm xử công khai. Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hường